

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:119/2018/DS -ST
Ngày: 11-4-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huân
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : ông Nguyễn Đức Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phương T – sinh năm 1990 (có mặt)

Ông Lâm Quang V – sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1949 ; Chủ hộ kinh doanh áo cưới T (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký kinh doanh: Phường E, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lâm Quang V và bà Võ Thị Phương T trình bày:

Ngày 21/5/2016 ông bà có đơn đặt hàng tại cơ sở áo cưới T về dịch vụ cưới trọn gói bao gồm: Album hình cưới, quần áo ngày cưới, chụp hình tiệc, quay phim tiệc cưới với tổng số tiền là 9.540.000đồng.

Ông bà đã thanh toán cho chủ cơ sở áo cưới T thành các đợt như sau :

Ngày 21/5/2016 thanh toán 1.000.000đồng ;

Ngày 23/5/2016 thanh toán 1.000.000đồng ;

Ngày 12/7/2016 thanh toán 4.000.000đồng và 800.000 đồng tiền trang điểm(Số tiền này không có trong đơn đặt hàng ông bà tự chi trả thêm).

Ngày 02/8/2016 thanh toán 1.000.000đồng ;

Ngày 30/10/2016 thanh toán 1.000.000đồng.

Tổng cộng ông bà đã thanh toán cho chủ cơ sở áo cưới T là 8.000.000đồng. Số tiền còn lại là 1.540.000đồng, ông bà thỏa thuận với chủ cơ sở áo cưới T khi nhận album hình sẽ giao đủ.

Tuy nhiên các dịch vụ ngày cưới chủ cơ sở áo cưới T đã thực hiện xong, riêng đối với album hình thì được chủ cơ sở gửi file hình cho ông bà xem trước khi xuất album. Ông bà không hài lòng với file hình do chủ áo cưới chụp không đẹp, trang điểm không che khuyết điểm, kiểu tóc bị tách rời giữa tóc giả và tóc thật. Ông bà không đồng ý với toàn bộ file hình nên có yêu cầu chủ cơ sở áo cưới T chụp lại nhưng không được đáp ứng. Thực tế hiện nay ông bà vẫn chưa nhận được album hình chụp ngoại cảnh theo như đơn đặt hàng mà ông bà đã thỏa thuận với chủ cơ sở áo cưới T. Một Album hình này theo đơn đặt hàng là 31 trang, kích thước 25 x 35. Ông bà yêu cầu chủ cơ sở áo cưới T phải trả cho ông bà số tiền là 8.000.000đồng mà ông bà đã trả cho dịch vụ cưới trọn gói. Vì chủ cơ sở áo cưới T cung cấp dịch vụ kém chất lượng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông bà chỉ yêu cầu chủ cơ sở áo cưới T trả lại số tiền 2.000.000đồng để ông bà tự chụp lại album hình khác. Ông bà không đồng ý xuất album hình đã chụp do không đạt yêu cầu và yêu cầu trả số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông bà không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ hộ kinh doanh Áo cưới T có lời trình bày:

Bà là chủ cơ sở hộ kinh doanh áo cưới T, xác nhận khách hàng là ông V và bà T đã sử dụng xong dịch vụ cưới trọn gói. Bà đồng ý hoàn tất 01 album hình cho ông V, bà T và không đồng ý trả lại tiền theo yêu cầu của ông V, bà T. Vì cơ sở áo cưới T đã cung cấp các dịch vụ theo đơn đặt hàng và thực hiện theo yêu cầu của khách hàng. Ông V, bà T đã sử dụng xong. Ông V, bà T có nhu cầu chụp lại hình mới thì phải đóng phí cho cơ sở áo cưới T với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để làm album hình. Nếu ông V, bà T không muốn chụp lại hình mới thì cơ sở áo cưới T sẽ giao Album hình cho ông bà trong vòng một

tháng với điều kiện ông bà phải đến chọn hình để cơ sở áo cưới T tiến hành làm album.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T chủ cơ sở áo cưới T có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ. Do bị đơn bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ kinh doanh tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T chủ hộ kinh doanh áo cưới T trả lại số tiền 8.000.000đồng đã giao để thực hiện dịch vụ cưới trọn gói. Nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu trả số tiền 2.000.000đồng và yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện, đơn đặt hàng, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, chứng cứ thu thập. Nguyên đơn thừa nhận đã sử dụng hoàn tất dịch vụ ngày cưới. Do hình chụp không đạt, ông V, bà T không đồng ý nhận. Nay bà T chủ cơ sở áo cưới T cũng đồng ý giao Album hình đã chụp nhưng phía nguyên đơn không nhận mà yêu cầu được lấy lại số tiền trên. Căn cứ các Điều 520, 522, 524 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, đơn đặt hàng, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký Hộ Kinh doanh áo cưới T số 41X8027109 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 06/7/2016, bị đơn bà T có cơ sở đăng ký kinh doanh tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt: Bà Nguyễn Thị T chủ hộ kinh doanh áo cưới T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét, nguyên đơn ông V, bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị T chủ hộ kinh doanh áo cưới T phải trả lại cho bà số tiền 2.000.000đồng đã nhận. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T không đồng ý trả lại tiền vì dịch vụ đã được cung cấp xong.

Căn cứ đơn đặt hàng lập ngày 21/5/2016 giữa ông V, bà T với bà Nguyễn Thị T chủ cơ sở áo cưới T, phía bà T cung cấp dịch vụ ngày cưới gồm: 01album 25x 35; 02Soare + áo dài; 02Vest +trang sức; 06 áo dài bụng quả + 06 nơ; xe hoa 04 giờ trong thành phố; quay phim một ngày sáng lễ + chiều tiệc; chụp hình tặng 100 tấm; thêm dặm + 300.000đồng. Cơ sở áo cưới T đã thực hiện hoàn tất các dịch vụ và được phía ông V, bà T thừa nhận. Riêng đối với 01 Album hình kích thước 25 x 35 phía bà T, ông V cho rằng file hình xấu, trang điểm không che khuyết điểm, lỗi kỹ thuật về gắn tóc thật và tóc giả rời nhau. Nay ông bà yêu cầu lấy lại tiền vì dịch vụ kém chất lượng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong đơn đặt hàng các bên không có thỏa thuận về chất lượng hình ảnh và kỹ thuật xử lý hành ảnh (photoshop). Ông V, bà T xem file hình đã chụp do phía bà T chủ cơ sở cung cấp cho ông bà bằng file mềm (USB) và thừa nhận hình đã chụp trong file đúng là của mình. Tuy nhiên, ông bà tự đánh giá là hình ảnh xấu, không đạt chất lượng để từ chối nhận album hình và yêu cầu lấy lại tiền là không có căn cứ. Xét thấy, hình ảnh mà bà T chủ cơ sở áo cưới T đã chụp cho ông V, bà T đẹp hay xấu là việc đánh giá mang tính chất thẩm mỹ cá nhân, không có quy chuẩn nhất định và ông V, bà T xem hình qua file mềm(USB) thì độ phân giải sẽ không đảm bảo. Mặt khác, bà T chủ cơ sở áo cưới T đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ theo đơn đặt hàng, điều này được phía nguyên đơn ông V, bà T thừa nhận và phù hợp với lời khai của các bên, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Xét thấy, nội dung đơn đặt hàng các bên không thỏa thuận cụ thể số tiền từng loại dịch vụ mà đây là dịch vụ trọn gói cho ngày cưới. Căn cứ vào các Điều 520, Điều 522, Điều 524 Bộ luật dân sự, ông V, bà T yêu cầu bà T chủ hộ kinh doanh áo cưới T trả lại số tiền 2.000.000đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông V, bà T nên ông bà phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự ;
- Điều 520, Điều 522, Điều 524 Bộ luật dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Phương T và ông Lâm Quang V về việc : Buộc bà Nguyễn Thị T chủ hộ kinh doanh áo cưới T phải trả lại số tiền là 2.000.000đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Võ Thị Phương T và ông Lâm Quang V phải chịu là 300.000đồng, được trừ vào số tiền 300.000đồng ông V, bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000979 ngày 28/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương